

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS - ST

Ngày: 26/4/2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Nghị.

2. Bà Cao Thị Chinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ2, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ2, xã B, huyện T, Bình Định

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1978 (vắng mặt lần 02)

Địa chỉ: Thôn Đ2, xã B, huyện T, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Bà với bà Lê Thị Hồng V là chỗ quen biết, làm ăn với nhau từ trước đến nay. Khoảng trước năm 2018 bà V nhiều lần vay tiền bà rồi trả nhưng trả không dứt điểm, còn nợ lại 150.000.000đ. Sau đó đến ngày 21/5/2020 bà V hỏi vay thêm của bà số tiền 100.000.000đ, cộng thêm khoản nợ cũ thì tổng cộng bà V

nợ bà là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*). Hai bên có viết giấy mượn tiền, bà N và bà V ký trong giấy vay tiền, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất hẹn 01 tháng sau. Khi thỏa thuận vay tiền và nhận tiền cũng như viết giấy mượn tiền thì chỉ một mình bà V trực tiếp gặp bà thương lượng, nhận tiền và viết giấy, bà có điện thoại hỏi ông Nguyễn Văn V1 chồng bà V thì ông V1 cũng đồng ý các khoản nợ bà V vay (nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh). Quá thời gian thỏa thuận bà đòi nhiều lần bà V không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Hồng V phải trả dứt điểm một lần số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), bà không yêu cầu bà V phải trả tiền lãi.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Hồng V trình bày: Bà đồng ý là còn nợ bà Nguyễn Thị Thu N tổng số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), chữ viết trong Giấy mượn tiền đề ngày 21/5/2020 là do bà viết và ký. Bà thừa nhận trong quá trình làm ăn khoảng năm 2017 - 2018 bà có vay tiền bà N nhiều lần để làm ăn nhưng do thua lỗ nên không trả dứt điểm, còn nợ lại 150.000.000đ, đến ngày 21/5/2020 bà vay cần tiền để làm ăn nên có hỏi bà N vay tiếp số tiền 100.000.000đ. Theo yêu cầu của bà N, bà có viết và ký giấy mượn tiền (đề ngày 21/5/2020) không xác định thời gian trả nợ, không ghi lãi suất; hai bên thỏa thuận hẹn trả nợ trong một thời gian ngắn. Nhưng do làm ăn thua lỗ, bà N đòi nhiều lần bà không trả được khoản nợ nói trên. Nay bà N yêu cầu trả số tiền còn nợ 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) thì bà đồng ý trả nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn bà không có khả năng trả một lần mà bà xin trả dần hàng tháng với mức 5.000.000đ/tháng, bà xin không phải trả tiền lãi.

Đối với chồng bà là ông Nguyễn Văn V1 thì không biết rõ ràng về các khoản bà vay của bà N nói trên, nên bà xác định đây là nợ riêng của bà, bà tự chịu trách nhiệm trả, ông V1 không chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Tại phiên Tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V1 vắng mặt không có lý do: Ông V1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự (tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xử lý đơn); nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N: buộc bà Lê Thị Hồng V phải có nghĩa vụ trả dứt điểm một lần số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) về khoản nợ xác định theo Giấy mượn tiền ngày 21/5/2020 chưa thanh toán; không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng V về việc xin trả dần hàng tháng mỗi tháng 5.000.000đ vì không có căn cứ và bà N không đồng ý. Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu tính lãi nên miễn xét. Về án phí yêu cầu nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Người liên quan là ông Nguyễn Văn V1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Bà Nguyễn Thị Thu N và bà Lê Thị Hồng V đều thống nhất: Bà N và bà V là hàng xóm và có quan hệ làm ăn với nhau. Khoảng năm 2018 bà V nhiều lần vay tiền bà N nhưng trả không dứt điểm, còn nợ lại bà N 150.000.000đ. Đến ngày 21/5/2020 bà V vay tiếp của bà N 100.000.000đ, cộng với khoản nợ cũ là 250.000.000đ. Do đó, bà V đã viết và ký Giấy mượn tiền đề ngày 21/5/2020 xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Thu N số tiền là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), không định thời hạn trả nợ, không ghi việc tính lãi. Đây là những tình tiết mà các bên đương sự đều thừa nhận, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận. Căn cứ quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

[2] Việc bà Lê Thị Hồng V nợ tiền bà Nguyễn Thị Thu N, bà N đã nhiều lần đòi nợ bà nhưng bà V không thanh toán, tại phiên Tòa bà V chấp nhận trả khoản nợ gốc 250.000.000đ theo phương thức trả dần hàng tháng với mức 5.000.000đ/tháng và xin không trả tiền lãi - là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. Nên HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bà Lê Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền: 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) về khoản nợ vay ngày 21/5/2020 chưa thanh toán.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu N có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án

xong, bà Lê Thị Hồng V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Việc bà V yêu cầu trả nợ dần hàng tháng mỗi tháng 5.000.000đ nhưng bà N không đồng ý và không phù hợp với quy định pháp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Ông Nguyễn Văn V1 là chồng bà Lê Thị Hồng V, các bên đều thừa nhận ông V1 không trực tiếp tham gia giao dịch vay tiền và cũng không xác nhận nợ. Bà Nguyễn Thị Thu N chỉ yêu cầu bà Lê Thị Hồng V phải trả nợ và bà V cũng đồng ý, nên ông V1 không phải trả khoản nợ này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.105.000đ (*Một triệu một trăm linh năm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004431 ngày 02/02/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

- Bà Lê Thị Hồng V phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: $250.000.000.000đ \times 5\% = 12.500.000đ$ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N, tuyên xử:

Buộc bà Lê Thị Hồng V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) về khoản nợ vay theo Giấy mượn tiền ngày 21/5/2020 chưa thanh toán.

Về tiền lãi: Bà N không yêu cầu nên miễn xét.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu N có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Hồng V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bác yêu cầu của bà Lê Thị Hồng V chỉ chấp nhận trả nợ dần hàng tháng với mức 5.000.000đ/ tháng vì bà N không đồng ý, không phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền 1.105.000đ (*Một triệu một trăm linh năm nghìn đồng*) - tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp trước theo biên lai số 0004431 ngày 02/02/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Bà Lê Thị Hồng V phải chịu án phí với số tiền là 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

3/ Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Giang Nam

